

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2021

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Trao

Ông Nguyễn Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Văn Công U, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp V, xã P2, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: tổ 3, ấp T1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai .

(chị T có mặt, anh U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2021, bản tự khai ngày 06/4/2021 nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: tôi và anh Văn Công U cưới nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh U đi làm có tiền nhưng không phụ giúp tôi lo cho gia đình, thường xuyên ăn nhậu, chửi bới tôi và gia đình tôi, anh U còn có quan hệ với người phụ nữ khác ngay gần nhà tôi. Tôi và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh U vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân được khoảng 05 tháng nay không có bàn bạc đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh U.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Văn Công Tuấn H, sinh ngày 05/9/2008. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Do từ trước đến nay cháu H sống cùng với tôi, anh U chưa từng quan tâm, chăm sóc con. Hiện nay tôi đang làm công việc phụ sơn nước, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng - 6.000.000 đồng/tháng, nhưng có gia đình bên tôi hỗ trợ lo cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2021, bị đơn anh Văn Công U trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị T yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N vào năm 2008. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có đôi khi giận nhau nên cự cãi. Tuy nhiên, từ khoảng 05 tháng nay, vợ chồng đã sống ly thân, không có bàn bạc đoàn tụ. Việc chị T nộp đơn ly hôn, anh không được biết và cũng không đồng ý do còn thương vợ con.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Văn Công Tuấn H, sinh ngày 05/9/2008. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị T xin nuôi con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng, anh U không có ý kiến vì không muốn ly hôn. Từ lúc vợ chồng ly thân, cháu H sống cùng với chị T và gia đình bên ngoại.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh U xin được vắng mặt tại Tòa trong những lần làm việc tiếp theo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9; Điều 11; Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị T và anh Văn Công U.

Về con chung: giao 01 con chung là cháu Văn Công Tuấn H, sinh ngày 05/9/2008 cho chị T nuôi dưỡng, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh U, hiện anh U đang cư trú tại huyện N. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Văn Công U có yêu cầu xét xử mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh U.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Trương Thị T và anh Văn Công U xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào ngày 07/7/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh U đi làm nhưng không phụ giúp gia đình, thường xuyên ăn nhậu, chửi bới chị T và gia đình bên vợ, ngoài ra anh U còn có quan hệ với người phụ nữ khác. chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh U vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân được khoảng 05 tháng nay không có bàn bạc đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh U trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng có cự cãi nhưng khoảng 05 tháng nay vợ chồng đã tự sống ly thân, không có bàn bạc đoàn tụ. Tòa án đã triệu tập anh U đến tòa để hoà giải nhưng anh vắng mặt, điều đó thể hiện anh U không có thiện chí để hòa giải. Như vậy, có thể thấy hôn nhân của chị T và anh U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh U là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: giữa chị T và anh U có 01 con chung là cháu Văn Công Tuấn H, sinh ngày 05/9/2008. Xét thấy việc giao con cho chị T và anh U nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi vợ chồng ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo tốt đời sống vật chất tinh thần cho con chung và hiện nay chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Qua ghi nhận ý kiến của cháu H, cháu cũng mong muốn được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó để giữ sự ổn định cuộc sống

của con chung cần xem xét giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: các đương sự khai không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị T về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” đối với bị đơn anh Văn Công U.

Xử: Cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Văn Công U.

2. Về con chung: Xử giao cháu Văn Công Tuấn H, sinh ngày 05/9/2008 cho chị Trương Thị T được quyền nuôi dưỡng, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con. anh U được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001247 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Thi hành án;
- UBND xã P;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG HỮU CHÍ

